

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2024.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoan;

2. Ông Lê Thanh Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa:** bà Trịnh Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại phòng xét xử dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “ Ly hôn ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Y, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn Y, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 được tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, được đăng ký tại ủy ban nhân dân xã Y, thị xã (nay là thành phố) Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình vào ngày 24/12/1999. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống, lại ở cùng nhà với bố mẹ chồng nên mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu cũng có phần góp thêm mâu thuẫn vợ chồng, nhiều lần mẹ đẻ của anh T1 đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Đến năm 2013 chị đi xuất khẩu lao động đến năm 2019

chị tranh thủ về nước 1 tháng, nhưng hai vợ chồng sống ly thân, hai bên không tìm được tiếng nói chung, nguyên nhân anh T1 không quan tâm đến gia đình hay rượt chèo, cờ bạc nên vợ chồng xô sát, có lần anh T1 đánh chị gây thương tích, chị phải báo Công an xã can thiệp, sau đó chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại tổ I, phường T, thành phố T để ở, nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh T1.

Về con chung: chị và anh T1 có hai con chung, cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 04/11/2005 và cháu Nguyễn Thị T3 sinh ngày 06/7/2000 hiện các cháu đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về chia tài sản chung và công nợ: chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án anh T1 không có ý kiến gì đối với việc chị T làm đơn xin ly hôn anh. Tòa án đã tổng đạt theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, mặc dù anh T1 có mặt tại địa phương nhưng anh T1 không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án.

Toà án xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh T1 chị T có kết hôn vào năm 1999, đăng ký tại UBND xã Y, đến năm 2013 chị T đi xuất khẩu lao động, đến đầu năm 2024 thì hết thời hạn về nước. Sau khi chị T về nước vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát chị T đã báo Công an xã Y giải quyết sự việc. Khoảng tháng 7 năm 2024 chị T về nhà bố mẹ đẻ của mình ở tổ I phường T để ở, về mâu thuẫn gia đình chị T và anh T1 chưa lần nào nhờ chính quyền địa phương hoà giải. Về con chị T và anh T1 có 2 con chung hiện các cháu đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5, điều đ khoản 6 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1;

2. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số: 0000457 ngày 01/10/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T, anh T1 có đăng ký tại thôn Y, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp giải quyết, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh T1. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: chị T, anh T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, thị xã (nay là thành phố) Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình vào năm 1999. Là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh T1 đã trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn xin ly hôn anh T1. Yêu cầu về việc giải quyết ly hôn là chính đáng cần được pháp luật bảo vệ, được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nội dung vụ án: chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 vào năm 1999, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống kinh tế gặp khó khăn, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, hai bên không hiểu và thông cảm cho nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên có những lời nói, cũng như hành động xúc phạm nhau. Hai bên sống ly thân từ năm 2013 sau đó chị T đi xuất khẩu lao động đến năm 2019 chị về nước, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh T1 đã đánh dẫn đến thương tích, chị T đã phải mời Công an xã vào lập biên bản sự việc, nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh T1.

Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị T được ly hôn với anh T1 căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân chị T anh T1 có 2 con chung cháu Nguyễn Thị T3, sinh ngày 06/7/2000 và cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 04/11/2005 hiện các cháu đã trưởng thành nên chị T và anh T1 không yêu cầu xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số: 0000457 ngày 01/10/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS thành phố Tam Điệp;
- UBND xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp tỉnh Ninh Bình;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đã ký

Phan Ngọc Hà

